TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154/2019/QĐST-HNGĐ	*Lục Nam, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 279/2019/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cho anh H1 nuôi con Lê Quang V, sinh ngày 10/9/2011. Chị H nuôi con Lê Thị H2, sinh ngày 01/9/2010, Lê Kiều C, sinh ngày 29/10/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H, anh H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H, anh H1 thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004026 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả chị H số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Toan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lục Nam, ngày 28 tháng 8năm 2018

Số: /2018/TL- Q□

TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ

Tại quyết định thuận tình ly hôn số: 245/QĐTTLH ngày 22tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Dùng,sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L
QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn Dùng và chị Nguyễn Thị Thu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn Dùng trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh Tuấn, sinh ngày 10/02/2015. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Thu thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Dùng nhận chịu cả án phí 150.000 đồng (một trăm năm mười nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003390 ngày14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả anh Dùng 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trích lục như bản chính!

Ng- ời nhận:
Đương sự;
Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu THủy

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).